

BÁO CÁO NHANH
Kết quả kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV

Sau **29,5** ngày làm việc (Đợt 1: Từ ngày 21/10 đến ngày 13/11/2024; đợt 2: Từ ngày 20/11 đến ngày 30/11/2024) với tinh thần đổi mới, đoàn kết, dân chủ, trí tuệ, chủ động, khẩn trương và trách nhiệm cao, Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV đã hoàn thành toàn bộ chương trình đề ra với việc xem xét **51** nội dung, nhóm nội dung, bao gồm: **33** nội dung thuộc công tác lập pháp, **18** nhóm nội dung về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước, giám sát và các vấn đề quan trọng khác; đồng thời, có **12** nhóm nội dung được các cơ quan gửi báo cáo đề đại biểu Quốc hội nghiên cứu. Sau khi xem xét kỹ lưỡng, Quốc hội đã thông qua **18** luật, **21** nghị quyết, bên cạnh đó đã cho ý kiến lần đầu đối với **10** dự án luật khác; xem xét, quyết định công tác nhân sự thuộc thẩm quyền; cùng với đó, Quốc hội đã xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2025, các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia và nhiều vấn đề quan trọng; tiến hành chất vấn và trả lời chất vấn; giám sát tối cao chuyên đề “Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023”; xem xét báo cáo về tổng hợp kiến nghị của cử tri và Nhân dân, báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri, báo cáo kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư và giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, cùng một số nội dung quan trọng khác.

Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng, tinh thần trách nhiệm cao, Đoàn ĐBQH tỉnh Hà Tĩnh do đồng chí Hoàng Trung Dũng - Ủy viên BCH Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh cùng các ĐBQH tích cực tham gia hiệu quả các nội dung chương trình nghị sự, góp phần quan trọng vào thành công chung của kỳ họp.

I. VỀ CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG

1. Quốc hội đã xem xét, quyết định miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch nước đối với ông Tô Lâm; bầu Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lương Cường; miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, Tổng Thư ký Quốc hội và cho thôi làm đại biểu Quốc hội khóa XV đối với ông Bùi Văn Cường thuộc Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Hải Dương; bầu Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV, Tổng Thư ký Quốc hội đối với ông Lê Quang Tùng; phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Thắng; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Tài chính nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Văn Thắng, bổ nhiệm Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Hồng Minh; phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đối với ông Nguyễn Quốc Đoàn và ông Lê Tiến.

Công tác nhân sự được thực hiện thận trọng, chặt chẽ, bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, bảo đảm đúng quy trình, quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt được sự thống nhất cao của các vị đại biểu Quốc hội. Sau khi được Quốc hội bầu, Chủ tịch nước Lương Cường đã tuyên thệ, phát biểu nhậm chức theo quy định của Hiến pháp.

2. Quốc hội đã xem xét, thảo luận các báo cáo về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thực hiện ngân sách nhà nước năm 2024, đánh giá cao công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương; biểu dương tinh thần nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, các tầng lớp Nhân dân đã hoàn thành cơ bản các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; dự kiến đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu chủ yếu đề ra tại Nghị quyết số 103/2023/QH15 của Quốc hội.

Quốc hội thông qua các nghị quyết về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2025 với các nội dung cơ bản sau đây:

2.1. *Tại Nghị quyết số 158/2024/QH15 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025*: Quốc hội đề ra mục tiêu tổng quát, 15 chỉ tiêu và 12 nhóm nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu; xác định năm 2025 là năm tăng tốc, bứt phá, về đích; đồng thời, xác định: Tiếp tục ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng trên cơ sở giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; tập trung cao độ hơn nữa cho bổ sung, hoàn thiện, tháo gỡ vướng mắc trong hệ thống pháp luật, hoàn thành về cơ bản việc xử lý những bất cập, tồn đọng, vướng mắc liên quan đến thể chế và tổ chức thực hiện kéo dài, đáp ứng tốt nhất cho yêu cầu đổi mới sáng tạo, tạo đột phá phát triển đất nước trong tình hình mới; thực hiện cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực thực chất, hiệu quả gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu và sức cạnh tranh của nền kinh tế; đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng, sớm hoàn thành các công trình, dự án hạ tầng chiến lược, quan trọng quốc gia, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới; đẩy mạnh hơn nữa cắt giảm thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; tăng cường phân cấp, phân quyền thực chất, hiệu quả; tiếp tục hoàn thiện, sắp xếp lại tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, đề cao trách nhiệm người đứng đầu. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, nhưng không làm ảnh hưởng, cản trở mà để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, không hình sự hoá các quan hệ kinh tế và dân sự; đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí...

Quốc hội yêu cầu Chính phủ, chính quyền địa phương các cấp, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán nhà nước, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện thành công Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2025, phấn đấu đạt cao nhất các mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

2.2. *Tại Nghị quyết số 159/2024/QH15 về dự toán ngân sách nhà nước*

năm 2025: Quốc hội thông qua dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 với số thu ngân sách nhà nước là 1.966.839 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách nhà nước là 2.548.958 tỷ đồng; mức bội chi ngân sách nhà nước là 471.500 tỷ đồng (tương đương 3,8% GDP); tổng mức vay của ngân sách nhà nước là 835.965 tỷ đồng; đồng thời, quyết định chưa tăng tiền lương khu vực công, lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hàng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công trong năm 2025; cho phép sử dụng nguồn cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024 của ngân sách trung ương, ngân sách địa phương để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hỗ trợ địa phương khác thực hiện nhiệm vụ này trong trường hợp địa phương không sử dụng hết nguồn; thực hiện chuyển nguồn số kinh phí chưa sử dụng hết sang năm 2025.

Quốc hội giao Chính phủ tập trung điều hành chính sách tài khóa chủ động, hợp lý, linh hoạt, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, chặt chẽ, nhịp nhàng với chính sách tiền tệ và các chính sách khác; kịp thời ứng phó với biến động phức tạp của tình hình trong nước và ngoài nước, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; khẩn trương có giải pháp khắc phục đà suy giảm các chỉ tiêu về tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước trên GDP và tỷ lệ huy động từ thuế, phí vào ngân sách nhà nước; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; điều hành chi ngân sách nhà nước theo dự toán, bảo đảm chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả; triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển và hỗ trợ phục hồi kinh tế...

2.3. Tại Nghị quyết số 160/2024/QH15 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2025: Quốc hội quyết định tổng số thu ngân sách trung ương năm 2025 là 1.020.164 tỷ đồng; tổng số thu ngân sách địa phương là 946.675 tỷ đồng; tổng số chi ngân sách trung ương là 1.523.264 tỷ đồng; trong đó, dự toán 248.786 tỷ đồng để bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Quốc hội giao Chính phủ chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phân bổ vốn đầu tư ngân sách nhà nước bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, tuân thủ điều kiện, trật tự ưu tiên theo quy định của Luật Đầu tư công, các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Siết chặt kỷ cương, kỷ luật tài chính, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, thực hiện, giải ngân vốn; cá thể hóa trách nhiệm người đứng đầu trong trường hợp thực hiện, giải ngân chậm, gắn với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao...

3. Quốc hội đã xem xét, thông qua Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hoá giai đoạn 2025 - 2035 nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư, đáp ứng yêu cầu cấp thiết về phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, để văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

Chương trình gồm 07 mục tiêu tổng quát, 09 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2030, 09 nhóm mục tiêu cụ thể đến năm 2035, trong đó, tập trung nguồn

lực để giải quyết các vấn đề cấp thiết sau: Phát triển con người Việt Nam có nhân cách, lối sống tốt đẹp; xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, phát triển hệ thống hạ tầng, cảnh quan, thiết chế văn hóa đồng bộ, hiệu quả; nâng cao hiệu quả thông tin tuyên truyền và giáo dục văn hóa; bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hóa dân tộc; thúc đẩy phát triển văn học, nghệ thuật; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa; đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa; phát triển nguồn nhân lực văn hóa; hội nhập quốc tế, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại và lan tỏa các giá trị văn hóa Việt Nam ra thế giới; tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình, truyền thông, tuyên truyền về Chương trình.

Chương trình được thực hiện trên phạm vi cả nước và tại một số quốc gia có mối quan hệ, tương tác văn hóa lâu dài với Việt Nam, có đông đảo người Việt Nam sinh sống, lao động, học tập; được thực hiện trong 11 năm (từ năm 2025 đến năm 2035). Tổng nguồn lực huy động để thực hiện Chương trình dự kiến là 256.250 tỷ đồng, trong đó giai đoạn 2025- 2030 dự kiến 122.250 tỷ đồng; giai đoạn 2031-2035 dự kiến là 134.000 tỷ đồng.

4. Quốc hội đã xem xét, thông qua *Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030* nhằm cụ thể hóa việc thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, các cam kết quốc tế về phòng, chống và kiểm soát ma túy; tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách, trọng tâm, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác phòng, chống ma túy; tăng cường vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và người dân cùng tham gia với các cơ quan quản lý nhà nước trong công tác phòng, chống ma túy. Đồng thời, tăng cường nguồn lực, đáp ứng yêu cầu đặt ra với công tác phòng, chống ma túy trong tình hình mới, góp phần quan trọng trong bảo vệ sức khỏe mỗi cá nhân, duy trì giống nòi, bảo đảm an ninh xã hội, an ninh con người, thực hiện thành công các mục tiêu chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội bền vững của đất nước.

Thời gian thực hiện Chương trình từ năm 2025 đến hết năm 2030 với tổng vốn thực hiện Chương trình tối thiểu là 22.450,194 tỷ đồng.

5. Quốc hội đã xem xét, thông qua *Nghị quyết về chủ trương đầu tư dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam* bằng hình thức đầu tư công với sơ bộ tổng mức đầu tư là 1.713.548 tỷ đồng, nhằm mục tiêu xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao hiện đại, đồng bộ, đáp ứng nhu cầu vận tải, tạo động lực quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, phát huy lợi thế trên hành lang kinh tế Bắc - Nam, bảo đảm kết nối hiệu quả các hành lang Đông - Tây và với các nước trong khu vực, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, thúc đẩy tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, góp phần hiện thực hóa mục tiêu, nhiệm vụ theo Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII và các Nghị quyết của Đảng.

Dự án có tổng chiều dài tuyến khoảng 1.541 km; điểm đầu tại ga Ngọc Hồi (Thủ đô Hà Nội), điểm cuối tại ga Thủ Thiêm (Thành phố Hồ Chí Minh), đi qua địa phận 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; đầu tư mới toàn tuyến đường đôi khổ 1.435 mm, tốc độ thiết kế 350 km/h, tải trọng 22,5 tấn/trục; 23 ga

hành khách, 05 ga hàng hóa; dự án đường sắt tốc độ cao được xây dựng với mục đích chính là để vận chuyển hành khách, đáp ứng yêu cầu lương dụng phục vụ quốc phòng, an ninh, có thể vận tải hàng hóa khi cần thiết. Phân đầu đến năm 2035, cơ bản hoàn thành Dự án.

6. Quốc hội đã xem xét, thông qua *Nghị quyết về việc thành lập thành phố Huế trực thuộc trung ương*, đánh dấu thành tựu nổi bật trong việc thực hiện chủ trương đẩy mạnh đô thị hóa gắn với phát triển kinh tế đô thị của cả nước; giúp thành phố Huế không chỉ tạo sự chuyển dịch về không gian đô thị, không gian kinh tế, tạo động lực phát triển mới cho địa phương, mà còn góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, kiến tạo hình ảnh đô thị khang trang, xanh, sạch, đẹp, bảo đảm thực hiện tốt hơn nhiệm vụ bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế, thực sự trở thành trung tâm của vùng và cả nước về văn hóa - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết số 54-NQ/TW của Bộ Chính trị và các nghị quyết, kết luận quan trọng khác của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

7. Quốc hội đã xem xét, thông qua *Nghị quyết kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV* với nhiều nội dung quan trọng, trong đó, đã quyết nghị:

(i) Tiếp tục giảm 2% thuế suất thuế giá trị gia tăng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a mục 1.1 khoản 1 Điều 3 của Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian từ ngày 01/01/2025 đến hết ngày 30/6/2025.

(ii) Tiếp tục thực hiện chủ trương đầu tư dự án điện hạt nhân Ninh Thuận.

(iii) Đồng ý chủ trương điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và giao Chính phủ chủ động thực hiện theo quy định của pháp luật; đồng thời, đề nghị nghiên cứu, trình Quốc hội trong năm 2025 thông qua điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

(iv) Đồng ý điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Cảng hàng không quốc tế Long Thành theo đề nghị của Chính phủ. Theo đó, giai đoạn 01, đầu tư xây dựng 02 đường cất hạ cánh ở phía Bắc và 01 nhà ga hành khách, cùng các hạng mục phụ trợ đồng bộ với công suất 25 triệu hành khách/năm, 1,2 triệu tấn hàng hóa/năm; chậm nhất đến ngày 31/12/2026 hoàn thành và đưa vào khai thác.

(v) Chấp thuận chủ trương đầu tư bổ sung vốn nhà nước để duy trì tỷ lệ vốn góp nhà nước tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam với số tiền 20.695.100.980.000 đồng từ cổ tức bằng cổ phiếu được chia của cổ đông nhà nước từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế đến hết năm 2018 và lợi nhuận còn lại năm 2021 của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

(vi) Thông qua các giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn do ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19 để Tổng công ty Hàng không Việt Nam sớm phục hồi và phát triển bền vững; trong đó: cho phép Tổng công ty Hàng không Việt Nam chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ với quy mô tối đa 22.000 tỷ đồng; đồng thời, cho phép Công ty cổ phần Hàng không Pacific Airlines được xóa tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tính trên các khoản nợ thuế phát sinh theo quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền, còn nợ đến ngày

31/12/2024.

(vii) Đồng ý bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương để thực hiện mức lương cơ sở theo quy định tại Nghị định số 73/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

(viii) Cho phép thực hiện một số cơ chế, giải pháp cấp bách cần thiết để triển khai 03 dự án quan trọng của Văn phòng Trung ương Đảng.

II. CÔNG TÁC LẬP PHÁP

1. Các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua (18 luật, 04 nghị quyết)

Quốc hội đã thông qua 18 luật, 04 nghị quyết quy phạm pháp luật trên tinh thần đổi mới mạnh mẽ về tư duy trong công tác lập pháp theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực để phát triển; các quy định của luật phải mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư sản xuất, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; kiên quyết chống tiêu cực, lợi ích nhóm; những vấn đề mới, đang trong quá trình vận động, thực tiễn biến động thường xuyên, chưa ổn định thì chỉ quy định khung, mang tính nguyên tắc và giao Chính phủ, các bộ, ngành, chính quyền địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt trong điều hành, phù hợp với thực tiễn. Cụ thể như sau:

1.1. Luật Công chứng (sửa đổi) được ban hành nhằm khắc phục hạn chế, vướng mắc trong việc thi hành pháp luật về công chứng; bảo đảm tính chuyên nghiệp, hiệu quả của hoạt động công chứng phù hợp với tính chất là dịch vụ công do Nhà nước ủy nhiệm thực hiện, góp phần bảo đảm an toàn trong các giao dịch dân sự, kinh tế, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh lành mạnh, bền vững, hạn chế tranh chấp, khiếu kiện.

Luật gồm 08 chương, 76 điều (giảm 05 điều so với Luật hiện hành), trong đó có một số quy định mới như: Quy định tiêu chí về giao dịch phải công chứng; quy định việc chứng nhận bản dịch không còn thuộc phạm vi công chứng, mà là hoạt động chứng thực chữ ký người dịch theo quy định của pháp luật về chứng thực; sửa đổi, bổ sung quy định về việc đào tạo nghề công chứng, thời gian tập sự hành nghề công chứng, độ tuổi hành nghề công chứng; bổ sung quy định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo loại hình doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh tại các đơn vị hành chính cấp huyện khi đáp ứng các tiêu chí quy định trong Luật; bổ sung quy định về điều kiện thành lập và hoạt động của Phòng công chứng nhằm bảo đảm sự bình đẳng trong hoạt động của các tổ chức hành nghề công chứng; bổ sung quy định về công chứng điện tử; quy định chặt chẽ về cơ sở dữ liệu công chứng, việc xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu công chứng; quy định chặt chẽ việc công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng; giao Chính phủ quy định theo thẩm quyền về hồ sơ, trình tự, thủ tục trong hoạt động công chứng để kịp thời thực hiện chủ trương đổi mới tư duy lập pháp...

1.2. Luật Công đoàn (sửa đổi) được ban hành để tiếp tục thể chế hóa Hiến pháp, các chủ trương, chính sách của Đảng; đáp ứng yêu cầu đổi mới hoạt động của tổ chức Công đoàn trong thời kỳ mới và yêu cầu hội nhập quốc tế;

khắc phục những hạn chế của Luật hiện hành; bảo đảm tính thống nhất hệ thống pháp luật.

Luật gồm 06 chương, 37 điều (tăng 04 điều so với Luật hiện hành) quy định một số nội dung mới như: Mở rộng phạm vi điều chỉnh đối với người lao động Việt Nam làm việc không có quan hệ lao động, bổ sung quyền gia nhập công đoàn của người lao động là công dân nước ngoài, việc gia nhập Công đoàn Việt Nam của tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp; bổ sung quyền giám sát và phản biện xã hội của Công đoàn; bổ sung các trường hợp miễn, giảm, tạm dừng đóng kinh phí công đoàn nhằm giảm bớt gánh nặng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi gặp khó khăn; sửa đổi quy định nhằm tăng tính công khai, minh bạch, bảo đảm có sự kiểm tra, giám sát trong quản lý, sử dụng tài chính công đoàn, tài sản công đoàn.

1.3. Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) được ban hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa, tăng cường phân cấp, phân quyền, khắc phục những hạn chế, bất cập về thể chế, bảo đảm phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính; phát huy nguồn lực xã hội, tạo thuận lợi cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa.

Luật gồm 9 chương, 95 điều với một số nội dung mới như: Quy định cụ thể việc xác lập di sản văn hóa theo từng loại hình sở hữu toàn dân, sở hữu chung, sở hữu riêng phù hợp với Bộ luật Dân sự và quy định khác của pháp luật có liên quan; quy định chính sách của Nhà nước trong hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, ưu tiên bố trí ngân sách nhà nước cho các hoạt động có tính đặc thù; đào tạo, bồi dưỡng nhân lực tham gia quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; hoàn thiện các hành vi bị nghiêm cấm để bảo đảm chính xác, đầy đủ hơn, làm cơ sở cho việc hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, xử lý vi phạm trong bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa; xác định cụ thể các trường hợp điều chỉnh ranh giới khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II của di tích, khu vực di sản thế giới và vùng đệm của di sản thế giới; quy định nguyên tắc và thẩm quyền thực hiện điều chỉnh ranh giới các khu vực bảo vệ để bảo đảm tính khả thi khi áp dụng trên thực tiễn; quy định cụ thể việc sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ trong và ngoài khu vực bảo vệ di tích; quy định về quản lý di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, xử lý di vật, cổ vật được phát hiện, giao nộp; bổ sung Quỹ bảo tồn di sản văn hóa; quy định bảo vệ và phát huy giá trị di sản tư liệu; bổ sung quy định nhằm hỗ trợ sự phát triển của hệ thống bảo tàng...

1.4. Luật Dữ liệu được Quốc hội cho ý kiến và thông qua theo quy trình tại 01 kỳ họp nhằm đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ phục vụ công cuộc chuyển đổi số quốc gia, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số; tạo cơ sở pháp lý triển khai thực hiện và tạo bước đột phá về chuyển đổi số một cách toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và quản lý nhà nước.

Luật gồm có 06 chương, 46 điều, quy định những nội dung cơ bản về dữ liệu số; việc xây dựng, phát triển, bảo vệ, quản trị, xử lý, sử dụng dữ liệu số; Trung tâm dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia; sản phẩm, dịch vụ về dữ liệu số; quản lý về dữ liệu số; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động về dữ liệu số...

1.5. Luật Đầu tư công (sửa đổi) được ban hành nhằm tiếp tục hoàn thiện cơ sở pháp lý về đầu tư công trên cơ sở kế thừa ưu điểm của Luật Đầu tư công năm 2019; khắc phục căn bản những khó khăn, hạn chế, vướng mắc, điểm nghẽn phát sinh trong quá trình thi hành Luật; luật hóa một số cơ chế, chính sách thí điểm, đặc thù đã được áp dụng và phát huy hiệu quả; tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền; cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính; bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại các luật, nghị quyết của Quốc hội mới được ban hành; nâng cao hiệu quả khai thác, quản lý và sử dụng nguồn lực đầu tư công đáp ứng yêu cầu xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại và phát triển đất nước.

Luật gồm 7 chương, 103 điều (bổ sung 01 chương, tăng thêm 02 điều và sửa đổi 65 điều so với Luật hiện hành, trong đó có 32 điều chỉ sửa đổi, bổ sung về từ ngữ để làm rõ hơn và tạo sự thống nhất, đồng bộ trong triển khai, mà không làm thay đổi nội hàm chính sách). Luật quy định một số nội dung nổi bật như: Điều chỉnh quy mô dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, B, C phù hợp với yêu cầu quản lý đầu tư công trong tình hình mới; đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư công đối với các dự án nhóm B, nhóm C từ Hội đồng nhân dân sang Ủy ban nhân dân; phân cấp điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội sang Thủ tướng Chính phủ đối với ngân sách Trung ương, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giữa các Sở, ngành, địa phương từ Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sang Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thể chế hoá 03 chính sách đặc thù đã được Quốc hội cho phép thí điểm (gồm: Tách công tác đền bù, tái định cư thành dự án độc lập; quy định giao 01 Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản thực hiện dự án đi qua địa bàn từ 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên; cho phép Hội đồng nhân dân cấp tỉnh bố trí vốn ngân sách địa phương để uỷ thác thực hiện các chính sách tín dụng thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội); điều chỉnh các nội dung theo tinh thần đổi mới trong công tác xây dựng pháp luật đó là luật chỉ quy định những vấn đề có tính nguyên tắc và giao Chính phủ quy định những vấn đề cụ thể theo thẩm quyền, quy định chi tiết đối với các vấn đề có tính linh hoạt, dễ bị thay đổi và các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương...

1.6. Luật Địa chất và khoáng sản được ban hành nhằm thể chế hóa quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; khắc phục những bất cập của Luật Khoáng sản hiện hành.

Luật gồm 12 chương, 111 điều, quy định một số nội dung cơ bản về: Việc điều tra cơ bản địa chất, điều tra địa chất về khoáng sản; bảo vệ tài nguyên địa chất, khoáng sản chưa khai thác; hoạt động khoáng sản, thu hồi khoáng sản; chế biến khoáng sản thuộc dự án đầu tư khai thác khoáng sản; tài chính về địa chất, khoáng sản và đấu giá quyền khai thác khoáng sản; quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản trong phạm vi đất liền, hải đảo, nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa của Việt Nam...

1.7. Luật Điện lực (sửa đổi) được Quốc hội xem xét, thông qua theo quy

trình tại 01 kỳ họp nhằm kịp thời thể chế hóa các đường lối, chủ trương mới của Đảng, khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật, góp phần thúc đẩy ngành điện lực phát triển bền vững, hiệu quả, đạt mục tiêu đã đề ra trong giai đoạn từ nay tới năm 2030 và những năm tiếp theo, đảm bảo an ninh năng lượng, cung ứng điện cho phát triển kinh tế - xã hội.

Luật gồm 09 chương, 80 điều (giảm 50 điều so với Luật hiện hành), quy định một số nội dung cơ bản như: Quy hoạch phát triển điện lực, đầu tư xây dựng dự án điện lực; phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới; giấy phép hoạt động điện lực; thị trường điện cạnh tranh, hoạt động mua bán điện; vận hành, điều độ hệ thống điện quốc gia; bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động điện lực và sử dụng điện; quản lý nhà nước về điện lực...

1.8. Luật Phòng, chống mua bán người (sửa đổi) được ban hành nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tương thích với điều ước quốc tế; phát huy vai trò của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong phòng, chống mua bán người ngay từ cơ sở và giải quyết những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện Luật trong thời gian qua, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của công tác phòng, chống mua bán người hiện nay và trong thời gian tới.

Luật gồm 08 chương, 63 điều (tăng 05 điều so với Luật hiện hành); trong đó có một số nội dung mới như: Chính sách ưu tiên bố trí ngân sách cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; quyền của nạn nhân được xem xét không xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự hành vi vi phạm pháp luật là hệ quả trực tiếp của hành vi mua bán người; mở rộng đối tượng bảo vệ gồm: nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, người dưới 18 tuổi đi cùng, người thân thích của nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân, cá nhân tham gia phòng, chống mua bán người hoặc hỗ trợ nạn nhân; mở rộng chính sách hỗ trợ cho nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân và người dưới 18 tuổi đi cùng như: trợ giúp pháp lý, hỗ trợ pháp luật, hỗ trợ học nghề, tư vấn việc làm, trợ cấp khó khăn ban đầu, hỗ trợ vay vốn, hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trong năm đầu tiên nếu nạn nhân chưa có bảo hiểm y tế... Bên cạnh đó, Luật còn quy định hành vi nghiêm cấm mạnh hơn, bao gồm cả nghiêm cấm hành vi “*thỏa thuận mua bán người từ khi còn đang là bào thai*” và nhiều hành vi khác nhằm ngăn chặn từ sớm, từ xa và xử lý hiệu quả các hành vi liên quan đến mua bán người.

1.9. Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được ban hành nhằm bổ sung, quy định đầy đủ, toàn diện về hoạt động cứu nạn, cứu hộ, mà lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đang được giao thực hiện; khắc phục kịp thời những hạn chế, bất cập; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất của hệ thống pháp luật và tăng cường công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong tình hình mới.

Luật gồm 08 chương, 55 điều, quy định một số nội dung nổi bật như: Trách nhiệm báo cháy, báo tình huống cứu nạn, cứu hộ; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong hoạt động phòng cháy, chữa cháy và

cứu nạn, cứu hộ; các hành vi bị nghiêm cấm; phòng cháy đối với nhà ở; phòng cháy đối với nhà ở kết hợp sản xuất, kinh doanh; phòng cháy đối với cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy (nhà, công trình, địa điểm được sử dụng để ở, sản xuất, kinh doanh, hoạt động thương mại, làm việc hoặc mục đích khác, được xây dựng, hoạt động theo quy định của pháp luật, thuộc danh mục do Chính phủ quy định); phòng cháy trong lắp đặt, sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất; huy động lực lượng, người, phương tiện, tài sản tham gia chữa cháy và tham gia cứu nạn, cứu hộ; thành lập, quản lý và hoạt động lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ở cơ sở, lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành và lực lượng dân phòng; xử lý đối với cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy và không có khả năng khắc phục theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tại thời điểm đưa vào hoạt động đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành...

1.10. Luật Phòng không nhân dân được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, huy động, tổ chức hoạt động phòng không nhân dân, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh toàn diện, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước, giữ vững hòa bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội để phát triển kinh tế; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; tạo lập khung pháp lý đầy đủ cho hoạt động quản lý tàu bay tàu bay không người lái, phương tiện bay siêu nhẹ.

Luật gồm 07 chương, 47 điều; quy định các nội dung chủ yếu về: Lực lượng phòng không nhân dân; hoạt động phòng không nhân dân; quản lý tàu bay không người lái, phương tiện bay khác và bảo đảm an toàn phòng không; quyền, nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; nguồn lực, chế độ, chính sách cho phòng không nhân dân...

1.11. Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý đồng bộ, thống nhất cho công tác quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn, khắc phục những bất cập, hạn chế của quy định hiện hành; nâng cao chất lượng công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và nông thôn, đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn phát triển mới của đất nước.

Luật gồm 05 chương, 59 điều, quy định một số nội dung cơ bản như: Quy định rõ hệ thống quy hoạch đô thị và nông thôn gồm 05 loại, 03 cấp độ quy hoạch, các trường hợp phải lập quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết; trong đó, giảm lược tối đa các trường hợp phải lập quy hoạch và cấp độ quy hoạch phải lập; đơn giản hóa trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, bảo đảm minh bạch, khả thi, thuận lợi; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh cục bộ quy hoạch đô thị và nông thôn gắn với kiểm soát, giám sát việc thực hiện, bảo đảm quản lý thống nhất từ trung ương tới địa phương; quy định rõ về nguồn kinh phí cho công tác quy hoạch, lựa chọn tổ chức tư vấn lập nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn, bảo đảm các điều kiện thực hiện công tác quy hoạch...

1.12. Luật Tư pháp người chưa thành niên được ban hành để thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến chăm sóc, giáo dục và bảo vệ trẻ em; xây dựng các quy định phù hợp với đặc thù lứa tuổi, tâm lý của

người chưa thành niên, khắc phục những hạn chế của hệ thống pháp luật hiện hành; phù hợp với xu hướng chung và thông lệ của nhiều quốc gia trên thế giới.

Luật gồm 05 phần, 10 chương, 179 điều; quy định một số nội dung lớn như: Quy định 12 biện pháp xử lý chuyên hướng cùng với các điều kiện được áp dụng, thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý chuyên hướng đối với người chưa thành niên phạm tội (bao gồm 11 biện pháp xử lý chuyên hướng tại cộng đồng và biện pháp giáo dục tại Trường giáo dưỡng); trách nhiệm của người chưa thành niên vi phạm nghĩa vụ một cách chặt chẽ để bảo đảm các quy định này vừa có tính nhân văn, vừa bảo đảm công tác phòng, chống vi phạm pháp luật và tội phạm; quy định thời hạn điều tra, truy tố, xét xử đối với người chưa thành niên không quá $\frac{1}{2}$ thời hạn đối với người trưởng thành, trừ trường hợp vụ án có tính chất phức tạp; giảm mức phạt tù tối đa đối với người từ đủ 14 đến dưới 16 tuổi còn 09 năm, đối với người từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi còn 15 năm nhằm thể chế hóa yêu cầu của Đảng về “Coi trọng việc hoàn thiện chính sách hình sự... đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội” và phù hợp với xu hướng chung của các nước trên thế giới; quy định trại giam riêng, phân trại hoặc khu giam giữ dành riêng cho người chưa thành niên là phạm nhân trong trại giam. Ngoài ra, Luật còn nhiều chính sách chuyên biệt khác chỉ áp dụng với người chưa thành niên trong quá trình giải quyết vụ án hình sự...

1.13. Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi) được ban hành nhằm hướng tới chính sách thuế thống nhất, công khai, minh bạch, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện; đồng thời, tăng cường cải cách thủ tục hành chính, tạo cơ sở pháp lý để nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế; đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng; tạo môi trường pháp luật thống nhất, đồng bộ và khắc phục những hạn chế, bất cập của Luật hiện hành.

Luật gồm 04 chương, 17 điều, quy định một số nội dung nổi bật như: Quy định thuế suất 5% đối với mặt hàng phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất nông nghiệp, tàu khai thác thủy sản để góp phần tránh hiệu ứng tăng giá thành sản phẩm, tạo thuận lợi cho ngành sản xuất trong nước trong bối cảnh cạnh tranh với hàng nhập khẩu, hỗ trợ tốt hơn cho sản xuất nông nghiệp; nâng ngưỡng doanh thu không chịu thuế lên mức 200 triệu đồng/năm. Theo đó, hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ 200 triệu đồng trở xuống không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng; bỏ quy định cho phép không nộp thuế giá trị gia tăng đầu ra, nhưng lại được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với nông sản chưa chế biến hoặc sơ chế ở khâu thương mại để bảo đảm nguyên tắc của thuế giá trị gia tăng là chỉ được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào khi đầu ra thuộc diện chịu thuế giá trị gia tăng; cho phép hoàn thuế đối với cơ sở sản xuất, cung ứng cả dịch vụ chịu thuế 5% và 10%; sửa đổi quy định giá tính thuế đối với hàng hóa nhập khẩu; điều chỉnh thuế suất của một số hàng hóa, dịch vụ; bổ sung giá tính thuế đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại...

1.14. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Dược được thông qua nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về thể chế, pháp luật trong hoạt động quản lý thuốc; bảo đảm người dân được tiếp cận thuốc chất lượng, kịp

thời, giá cả hợp lý; trong đó, có việc bảo đảm thuốc cho phòng, chống dịch bệnh và các trường hợp cấp bách phát sinh trong thực tiễn; tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động về dược, bảo đảm tăng khả năng tiếp cận thuốc của người dân, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Luật gồm 03 điều, trong đó, sửa đổi 50 điều, bãi bỏ 02 điểm, 02 khoản và 01 điều của Luật hiện hành và bổ sung 03 điều mới, với những điểm mới cơ bản là: Tạo hành lang pháp lý cho các hình thức, phương thức kinh doanh mới là cơ sở tổ chức chuỗi nhà thuốc và kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo phương thức thương mại điện tử; cụ thể hóa quyền và trách nhiệm của cơ sở kinh doanh dược có vốn đầu tư nước ngoài ngay trong Luật để bảo đảm tính công khai, minh bạch trong quản lý nhà nước; mở rộng quyền của cơ sở sản xuất, cơ sở xuất khẩu, nhập khẩu, cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc trong việc bán trực tiếp cho một số cơ sở y tế, cơ sở cai nghiện ma túy, cơ sở kiểm nghiệm, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và một số cơ sở khác; cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhập khẩu thuốc phục vụ nhu cầu điều trị đặc biệt của bệnh nhân tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong đăng ký lưu hành thuốc, nguyên liệu làm thuốc; bãi bỏ thủ tục xác nhận nội dung thông tin thuốc; tăng cường phân cấp, phân quyền, phát huy vai trò của Sở Y tế trong thu hồi để kịp thời xử lý thuốc vi phạm chất lượng trên địa bàn quản lý, đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hiệu quả; quy định các biện pháp quản lý về giá để phù hợp với Luật Giá và biện pháp đặc thù trong quản lý giá thuốc...

1.15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam được ban hành theo quy trình tại 01 kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn nhằm thể chế hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xây dựng đội ngũ sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam vững mạnh, đáp ứng yêu cầu đến năm 2025 cơ bản xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam tinh, gọn, mạnh; tạo tiền đề vững chắc phấn đấu đến năm 2030 xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ Quân đội nhân dân.

Luật gồm 03 điều, sửa đổi, bổ sung 14 điều của Luật hiện hành, quy định một số nội dung cơ bản về: Chức vụ cơ bản và chức vụ, chức danh tương đương của sĩ quan; hạn tuổi phục vụ tại ngũ cao nhất của sĩ quan; cấp bậc quân hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng; thẩm quyền và một số chế độ, chính sách đối với sĩ quan (như thăng quân hàm, nâng lương trước thời hạn, chế độ bảo hiểm xã hội, chế độ nhà ở, đất ở, chăm sóc sức khỏe, chế độ, chính sách đối với sĩ quan biệt phái khi kết thúc nhiệm vụ biệt phái, trách nhiệm của Chính phủ, bộ, ngành, địa phương)...

Bên cạnh đó, để bảo đảm sự thống nhất của hệ thống pháp luật, Luật này cũng quy định việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân về thẩm quyền quy định chức vụ, chức danh có cấp bậc hàm cao nhất là Trung tướng, Thiếu tướng, tiêu chí, tiêu chuẩn để xét thăng cấp bậc hàm vượt bậc đối với cấp bậc hàm cấp tướng và cấp bậc hàm cao nhất đối với chức vụ, chức danh của sĩ quan là cấp tướng của đơn vị thành lập mới, đơn vị được tổ chức lại, bổ

sung chức năng, nhiệm vụ, nhưng không vượt quá số lượng tối đa vị trí cấp tướng theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.16. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế được ban hành theo quy trình tại 01 kỳ họp nhằm khắc phục các tồn tại, vướng mắc mang tính cấp bách sau 15 năm thực hiện, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tương thích với các điều ước quốc tế có liên quan.

Luật gồm 03 điều, trong đó sửa đổi, bổ sung 40 điều của Luật hiện hành, bổ sung 02 điều với một số nội dung mới, như: Sửa đổi, cập nhật đối tượng tham gia, trách nhiệm đóng bảo hiểm y tế, phương thức, thời hạn đóng, trách nhiệm lập danh sách đóng bảo hiểm y tế, thời hạn thẻ có giá trị sử dụng; quy định về đăng ký khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế ban đầu, chuyên người bệnh giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế theo cấp chuyên môn kỹ thuật; quy định mức hưởng bảo hiểm y tế khi thực hiện thông cấp khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, mở rộng một số trường hợp được vượt tuyến để lên thẳng cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp chuyên sâu; mở rộng một số phạm vi quyền lợi cho người có thẻ bảo hiểm y tế; quy định trường hợp mắc bệnh mãn tính chuyển về y tế cơ sở để quản lý; điều chỉnh tỷ lệ chi cho khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế, chi dự phòng và tổ chức hoạt động bảo hiểm y tế từ số tiền đóng bảo hiểm y tế; quy định rõ thời hạn thông báo kết quả giám định chi phí khám bệnh, chữa bệnh; bổ sung cơ chế mua thuốc, thiết bị y tế và thanh toán thuốc, thiết bị y tế trong trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thiếu thuốc, thiết bị y tế và cơ chế thanh toán chi phí dịch vụ cận lâm sàng được chuyển đến cơ sở khác đủ điều kiện thực hiện; bổ sung quy định cụ thể về chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm y tế và các biện pháp xử lý ...

1.17. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu được ban hành theo quy trình tại 01 kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn để thể chế hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng, tạo hành lang pháp lý minh bạch, đồng bộ, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025; tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cấp bách trong thực tiễn.

Luật gồm 6 điều với những nội dung mới cơ bản sau: Bổ sung quy định điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn, theo đó bổ sung quy định về căn cứ điều chỉnh quy hoạch theo trình tự rút gọn cho các dự án khẩn cấp, cấp bách theo quy định của Chính phủ; phân cấp cho Bộ trưởng, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch ngành quốc gia và quy hoạch tỉnh theo trình tự, thủ tục rút gọn; bổ sung nội dung phân cấp cho Bộ, cơ quan ngang Bộ ban hành kế hoạch thực hiện quy hoạch ngành quốc gia để bảo đảm sự linh hoạt trong tổ chức thực hiện quy hoạch; bổ sung quy định thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm thu hút đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên như đổi mới sáng tạo và công nghệ cao, cho phép đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan, tránh cách hiểu phải đánh giá sự phù hợp của dự án với toàn bộ các loại quy hoạch; quy định các nguyên tắc cơ bản về cơ chế thanh toán cho nhà đầu tư đối với 03 hình thức, gồm: thanh toán bằng quỹ đất, thanh toán bằng ngân sách nhà nước và không yêu cầu thanh toán, Luật cũng giao Chính phủ quy định chi tiết cơ chế hợp đồng BT đối với các hình thức thanh toán trên; cho phép chuyển thẩm quyền từ Ủy ban Thường vụ Quốc hội sang Chính phủ quyết định trường hợp

trước khi đàm phán, ký điều ước quốc tế, thỏa thuận vay có quy định về đầu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật; bổ sung quy định về lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt; chỉnh lý nâng hạn mức chỉ định thầu từ 100 triệu lên 300 triệu đồng đối với gói thầu thuộc dự toán mua sắm không hình thành dự án, đồng thời không phân biệt hạn mức chỉ định thầu giữa các gói thầu sử dụng nguồn vốn chi thường xuyên và vốn đầu tư công; cho phép cơ sở y tế công lập tự quyết định mua sắm thuốc, thiết bị y tế và vắc xin dịch vụ;...

1.18. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán; Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập; Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Quản lý thuế; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội xem xét, thông qua theo quy trình tại 01 kỳ họp và theo trình tự, thủ tục rút gọn, tập trung sửa đổi, bổ sung một số quy định của các luật còn mâu thuẫn, gây khó khăn, vướng mắc, yêu cầu cấp bách cần sửa đổi nhằm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, định hướng được xác định trong các văn kiện, nghị quyết của Đảng về các chính sách tài chính; tạo điều kiện cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước cho tăng trưởng kinh tế; đơn giản hóa thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ, tăng cường phân cấp, phân quyền; bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất giữa các quy định của pháp luật, phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Luật gồm 11 điều, quy định các nội dung cơ bản như: Bổ sung, quy định cụ thể về khái niệm thao túng thị trường chứng khoán; quy định về nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp; trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến hồ sơ, tài liệu báo cáo liên quan đến hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán; chào bán chứng khoán riêng lẻ... nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động phát hành, chào bán chứng khoán; tăng cường công tác giám sát và xử lý nghiêm các hành vi gian lận, lừa đảo, bảo đảm hiệu quả phòng ngừa, xử lý vi phạm trên thị trường chứng khoán; đơn giản nội dung chứng từ, nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản lý; hỗ trợ hoạt động chuyển đổi số; nâng cao năng lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực kế toán, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đối với người làm kế toán; quy định những người không được đăng ký hành nghề kiểm toán, không được tiếp tục hành nghề kiểm toán; xử lý vi phạm pháp luật về kiểm toán độc lập, tăng cường hiệu lực, hiệu quả của hoạt động quản lý Nhà nước đối với kiểm toán độc lập, nâng cao chất lượng kiểm toán độc lập; giao Chính phủ quyết định phân bổ, sử dụng các khoản chi của ngân sách trung ương chưa phân bổ và Ủy ban nhân dân các cấp quyết định các khoản chưa phân bổ vốn ngân sách địa phương; bổ sung quy định chi ngân sách nhà nước thực hiện một số nhiệm vụ từ cả nguồn chi đầu tư và chi thường xuyên, đồng thời, giao Chính phủ quy định cụ thể; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao hiệu quả trong quản lý, sử dụng tài sản công; sửa đổi quy định về bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công; bổ sung quy định về chuyển giao tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng về địa phương quản lý, xử lý; trình tự, thủ tục xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; sửa đổi, bổ sung quy định về hoàn thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; khai thuế, tính thuế trong hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số; áp dụng công nghệ thông tin, kỹ thuật hiện đại...; bổ sung cơ chế cho phép

Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất hàng dự trữ quốc gia phục vụ đối ngoại của Đảng và Nhà nước; phân cấp thẩm quyền trong quyết định ngân sách trung ương mua bù hàng dự trữ quốc gia; sửa đổi, bổ sung một số quy định có liên quan trong Luật Thuế Thu nhập cá nhân, Luật Xử lý vi phạm hành chính để bảo đảm thống nhất với nội dung được sửa đổi, bổ sung trong các luật có liên quan.

1.19. Nghị quyết về thí điểm một số biện pháp xử lý vật chứng, tài sản trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử vụ án hình sự được ban hành nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc xử lý vật chứng, tài sản trong nhiều vụ việc, vụ án hình sự về kinh tế, tham nhũng hiện nay; giải quyết những vấn đề phát sinh, bảo đảm thu hồi sớm, tối đa giá trị tài sản bị thất thoát, chiếm đoạt trong một số vụ việc, vụ án hình sự về tham nhũng, kinh tế mà pháp luật tố tụng hình sự chưa quy định.

Nghị quyết gồm 05 điều, quy định về 05 biện pháp xử lý vật chứng, tài sản trong quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, gồm: Trả lại tiền cho bị hại hoặc gửi tiền vào ngân hàng để chờ xử lý; nộp tiền bảo đảm để hủy bỏ việc thu giữ, tạm giữ, kê biên, phong tỏa vật chứng, tài sản; mua bán, chuyển nhượng vật chứng, tài sản và xử lý tiền thu được từ việc mua bán, chuyển nhượng; giao vật chứng, tài sản cho chủ sở hữu, người quản lý hợp pháp để quản lý, khai thác, sử dụng; tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản...

1.20. Nghị quyết về thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất được ban hành để tiếp tục thể chế Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.

Nghị quyết gồm 6 điều, quy định thí điểm thực hiện dự án nhà ở thương mại thông qua thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất trên phạm vi toàn quốc đối với các trường hợp sau đây: Dự án của tổ chức kinh doanh bất động sản nhận quyền sử dụng đất; dự án của tổ chức kinh doanh bất động sản đang có quyền sử dụng đất; dự án của tổ chức kinh doanh bất động sản đang có quyền sử dụng đất và nhận quyền sử dụng đất; dự án của tổ chức kinh doanh bất động sản được các tổ chức đang sử dụng đất thành lập để thực hiện dự án nhà ở thương mại trên diện tích của cơ sở phải di dời do ô nhiễm môi trường, cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.

1.21. Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng được ban hành nhằm thể chế hóa chủ trương, mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị với bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phát huy tiềm năng, lợi thế và phù hợp với tình hình thực tiễn, định hướng phát triển của thành phố Hải Phòng. Việc Quốc hội ban hành Nghị quyết về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hải Phòng cũng phù hợp với xu hướng về tổ chức chính quyền đô thị đã và đang được áp dụng tại một số thành phố trực thuộc trung ương theo các luật, nghị quyết của Quốc hội trong thời gian qua.

1.22. Bên cạnh đó, Quốc hội đã xem xét, thông qua **Nghị quyết về cơ chế đặc thù để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với các dự án, đất đai trong kết luận thanh tra, kiểm tra, bản án tại Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Khánh Hòa** nhằm giải phóng nguồn lực đất đai, phát triển kinh tế -

xã hội của đất nước.

2. Các dự án luật được Quốc hội cho ý kiến (10 dự án luật)

2.1. Luật Công nghiệp công nghệ số được xây dựng nhằm thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; khắc phục các hạn chế, bất cập hiện nay trên cơ sở phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi các quy định pháp luật về công nghiệp công nghệ thông tin và dịch vụ công nghệ thông tin theo pháp luật hiện hành; quy định cụ thể, tạo hành lang pháp lý rõ ràng, đặc biệt cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ số để thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp công nghệ số; tạo cơ chế ưu đãi cho công nghiệp công nghệ số, trong đó có một số đặc biệt ưu đãi đầu tư; và ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đặc biệt...

2.2. Luật Hóa chất (sửa đổi) được xây dựng nhằm thể chế hóa đầy đủ các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, góp phần hoàn thiện hành lang pháp lý cho các hoạt động hóa chất, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật, phù hợp với các điều ước và cam kết quốc tế mà nước ta là thành viên; khắc phục những tồn tại, hạn chế, bất cập của Luật Hóa chất hiện hành; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với sự phát triển của ngành công nghiệp hóa chất, quản lý hóa chất, giảm thiểu tối đa rủi ro của các hoạt động hóa chất tới sức khỏe người dân, môi trường, xã hội; thu hút đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, các tập đoàn hóa chất lớn; đồng thời, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp Việt Nam trong giao thương quốc tế, đầu tư sản xuất các sản phẩm hóa chất thiết yếu...

2.3. Luật Nhà giáo được xây dựng để thể chế hóa đầy đủ, kịp thời đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhà giáo, nhất là quan điểm “Phát triển giáo dục là quốc sách hàng đầu”, nhà giáo “giữ vai trò quyết định trong việc bảo đảm chất lượng giáo dục”; hoàn thiện khuôn khổ pháp lý tạo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật; chuẩn hóa, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo; xây dựng, phát triển đội ngũ nhà giáo đủ về số lượng, đảm bảo về cơ cấu, tốt về chất lượng; kiến tạo chính sách đột phá khắc phục hạn chế, bất cập trong thực tiễn tuyển dụng, sử dụng, quản lý nhà giáo; tôn vinh nhà giáo, tạo điều kiện để nhà giáo yên tâm công tác, yêu nghề, tâm huyết và trách nhiệm với nghề...

2.4. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp được xây dựng nhằm giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi Luật hiện hành, hoàn thiện thể chế, ổn định môi trường pháp lý cho việc đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; tạo môi trường và hành lang pháp lý đầy đủ, ổn định cho hoạt động quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đảm bảo tôn trọng và nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp cùng việc tăng cường sự kiểm tra, giám sát của nhà nước trong quản lý, đầu tư vốn tại doanh nghiệp; đảm bảo doanh nghiệp hoạt động theo cơ chế thị trường trong các ngành, nghề kinh doanh theo yêu cầu của Nhà nước (chủ sở hữu); nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước tương xứng với nguồn vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp, đảm bảo doanh nghiệp có vốn đầu tư của nhà nước giữ vai trò chủ đạo, giữ vị trí then chốt trong nền kinh tế; huy động và phát huy hết các nguồn lực của khu vực kinh tế nhà nước nói chung, doanh nghiệp nhà nước nói riêng cho phát triển kinh tế - xã hội. ...

2.5. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi) nhằm khắc phục các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật; hoàn thiện quy định về chính sách thuế tiêu thụ đặc biệt để mở rộng cơ sở thu, bảo đảm tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, góp phần nâng cao năng lực và hiệu quả của hoạt động quản lý thuế trong phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, đảm bảo thu đúng, thu đủ vào ngân sách nhà nước, ổn định nguồn thu ngân sách nhà nước; cải cách thủ tục quản lý thuế theo hướng đơn giản, rõ ràng, công khai; bảo vệ sức khỏe cộng đồng, môi trường và điều tiết tiêu dùng của xã hội phù hợp xu hướng cải cách thuế của các nước cũng như thực hiện cam kết quốc tế...

2.6. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi) được sửa đổi nhằm thể chế hóa đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng, Nhà nước về cải cách hệ thống chính sách thuế; khắc phục những bất cập của Luật hiện hành; đảm bảo tính minh bạch, dễ hiểu, dễ thực hiện, tính thống nhất, đồng bộ của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp với quy định của pháp luật có liên quan; thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh; khuyến khích, thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực và địa bàn ưu tiên; đảm bảo ổn định nguồn thu cho ngân sách nhà nước, góp phần cơ cấu lại thu ngân sách nhà nước theo hướng bền vững; có giải pháp phù hợp để khắc phục tình trạng chuyển giá, phòng chống trốn thuế, thất thu thuế, hạn chế hiệu quả các hành vi dịch chuyển lợi nhuận làm xói mòn cơ sở thuế.

2.7. Luật Việc làm (sửa đổi) được sửa đổi nhằm thể chế hóa Hiến pháp năm 2013, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, thị trường lao động, cải cách chính sách bảo hiểm thất nghiệp; khắc phục những hạn chế, bất cập để phù hợp với tình hình việc làm trong bối cảnh hiện nay, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội; đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, phù hợp của hệ thống pháp luật có sự quản lý, điều tiết của Nhà nước; phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia, góp phần thúc đẩy phát triển thị trường lao động, hướng tới bảo đảm việc làm bền vững cho tất cả lao động...

2.8. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân được xây dựng nhằm tiếp tục chế độ quan điểm, chủ trương của Đảng, cụ thể hóa chính sách của Nhà nước về đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân, nâng cao trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong thực hiện quy định của pháp luật; khắc phục khó khăn, vướng mắc, bất cập, hạn chế của hoạt động giám sát; bổ sung các quy định mới, hoàn thiện các quy định đã có nhưng chưa đầy đủ, rõ ràng, cụ thể và luật hóa các quy định, hướng dẫn trong các văn bản dưới luật về hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân đã được tổ chức thi hành ổn định, được thực tiễn kiểm nghiệm, đánh giá là cần thiết, phù hợp, có hiệu quả...

2.9. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo được xây dựng nhằm thể chế hoá quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển công nghiệp văn hóa, trong đó có ngành quảng cáo; phát huy vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước về quảng cáo của trung ương, địa phương trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về hoạt động quảng cáo; tạo lập hành lang pháp lý đầy đủ đồng bộ, thống nhất để quản lý hoạt động quảng

cáo, hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ quảng cáo phát triển; bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ, không chồng chéo với hệ thống pháp luật khác có liên quan; nâng cao trách nhiệm, năng lực của các chủ thể tham gia hoạt động quảng cáo; năng lực doanh nghiệp kinh doanh quảng cáo...

2.10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật được xây dựng nhằm thể chế hóa chủ trương đổi mới của Đảng và nhà nước đối với lĩnh vực tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; đồng thời khắc phục những hạn chế, bất cập đòi hỏi phải sửa đổi để phù hợp với các cam kết trong Hiệp định Thương mại tự do thế hệ mới khi Việt Nam gia nhập, đáp ứng yêu cầu khách quan của thực tiễn sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, phát triển kinh tế - xã hội bền vững...

III. GIÁM SÁT TỐI CAO

1. Trong thời gian 02 ngày, Quốc hội đã tiến hành chất vấn đối với Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về các lĩnh vực: Ngân hàng, y tế, thông tin và truyền thông. Các vấn đề được Quốc hội lựa chọn đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, “đúng” và “trúng” những vấn đề cử tri, Nhân dân cả nước và các vị đại biểu Quốc hội quan tâm.

Phiên chất vấn và trả lời chất vấn diễn ra nghiêm túc, trách nhiệm, với tinh thần đổi mới, đồng hành cùng Chính phủ. Các vị đại biểu Quốc hội đã nắm chắc tình hình, nghiên cứu kỹ các báo cáo, nêu câu hỏi chất vấn và tranh luận thẳng thắn, ngắn gọn, rõ ràng. Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, nắm chắc chức năng, nhiệm vụ và thực trạng của ngành, lĩnh vực phụ trách, thẳng thắn, không né tránh, trả lời rõ nhiều vấn đề đại biểu Quốc hội nêu, trong đó có nhiều vấn đề khó, phức tạp; đồng thời, đề ra các giải pháp để khắc phục hạn chế, tạo sự chuyển biến tích cực trong các lĩnh vực thời gian tới. Phó Thủ tướng Chính phủ và các bộ trưởng với ý thức trách nhiệm cao đã tham gia giải trình nghiêm túc, giúp làm sáng tỏ thêm nhiều vấn đề đại biểu Quốc hội quan tâm. Cuối phiên chất vấn, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã thay mặt Chính phủ báo cáo làm rõ những vấn đề thuộc trách nhiệm chung của Chính phủ và trực tiếp trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội.

Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 8, trong đó, thống nhất cấm sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, chứa chấp, vận chuyển, sử dụng thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, các loại khí, chất gây nghiện, gây tác hại cho sức khỏe con người từ năm 2025; đề nghị triển khai các giải pháp quản lý nhằm ổn định thị trường vàng, nâng cao vai trò quản lý và điều tiết thị trường vàng của Nhà nước theo đúng quy định; đồng thời, yêu cầu Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các vị Bộ trưởng, Trưởng ngành tập trung thực hiện những giải pháp, cam kết, sớm khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong các lĩnh vực được chất vấn, đáp ứng yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và cử tri cả nước. Đây cũng là cơ sở để Quốc hội tiến hành giám sát lại việc thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn tại Kỳ họp thứ 10.

2. Trên cơ sở thảo luận kỹ lưỡng Báo cáo của Đoàn giám sát về kết quả

giám sát chuyên đề, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội. Trong đó, Quốc hội đã đánh giá về những kết quả đạt được, tồn tại, hạn chế, xác định nguyên nhân chủ quan, nguyên nhân khách quan, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội giai đoạn 2015 - 2023 và đưa ra một số nhiệm vụ, giải pháp để tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội trong thời gian tới. Các nhiệm vụ, giải pháp được Quốc hội quyết nghị trong Nghị quyết được phân loại thành những nhiệm vụ, giải pháp cần tập trung thực hiện ngay và những nhiệm vụ, giải pháp cần tiếp tục thực hiện trong trung và dài hạn nhằm bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội. Quốc hội giao Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết này trong Quý I năm 2025, trong đó xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, tiến độ và bảo đảm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ...

3. Quốc hội đã xem xét các báo cáo về công tác tư pháp, phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, thi hành án, phòng, chống tham nhũng năm 2023. Qua giám sát, Quốc hội yêu cầu:

3.1. Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan hữu quan tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 96/2019/QH14 và các Nghị quyết khác của Quốc hội. Tiếp tục rà soát các quy định của pháp luật trong lĩnh vực điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án; đấu thầu, đấu giá, đầu tư xây dựng cơ bản, đất đai, khoáng sản, tài chính - ngân hàng, xăng dầu, điện... và các lĩnh vực khác để phát sinh tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; kịp thời phát hiện các quy định không còn phù hợp, chồng chéo, chưa thống nhất để sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp; đồng thời đầu tư nguồn lực để triển khai thực hiện có hiệu quả.

3.2. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành trung ương tăng cường các giải pháp hữu hiệu để phòng, chống và đấu tranh có hiệu quả hơn đối với các loại tội phạm, nhất là tội phạm ma túy, lừa đảo chiếm đoạt tài sản, xâm hại trẻ em, trốn thuế, khai thác khoáng sản trái phép và tội phạm công nghệ cao;... Tăng cường công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thu hồi tài sản tham nhũng. Chỉ đạo khắc phục bất cập trong công tác giám định, định giá tài sản; tiếp tục bảo đảm kỷ luật, kỷ cương, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thi hành án.

3.3. Tòa án nhân dân tối cao khẩn trương tổ chức triển khai thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2024; tiếp tục có giải pháp để nâng cao chất lượng xét xử, giải quyết các vụ án hành chính.

Viện kiểm sát nhân dân tối cao tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Tăng cường kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự, hành chính và kiến nghị xử lý các trường hợp vi phạm trong thi hành án dân sự, hành chính theo quy định của pháp luật.

4. Xem xét, thảo luận về Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân gửi đến Kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XV, Báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri gửi đến Kỳ họp thứ 7, Quốc hội khóa XV và Báo cáo kết quả tiếp công dân, xử lý đơn thư và giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Quốc hội năm 2024, Quốc hội cho rằng, ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân cả nước đã được Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam kịp thời tổng hợp đầy đủ gửi đến Quốc hội. Quốc hội đánh giá cao công tác giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, ghi nhận sự nỗ lực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành, cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương trong việc giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo do các cơ quan của Quốc hội chuyển đến trong năm 2024.

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, chính quyền địa phương các cấp, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, nghiên cứu, tiếp thu, giải quyết và trả lời các đề xuất, kiến nghị của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Quan tâm giải quyết, trả lời kiến nghị của cử tri; tập trung giải quyết có hiệu quả các vụ việc khiếu nại, tố cáo, nhất là những vụ việc phức tạp, kéo dài; chỉ đạo các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tiếp tục triển khai, thực hiện có hiệu quả các nội dung kiến nghị của Ủy ban Thường vụ Quốc hội tại Nghị quyết số 623/NQ-UBTVQH15.

IV. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐOÀN ĐBQH TỈNH TẠI KỲ HỌP

Tại kỳ họp thứ 8, các ĐBQH Đoàn Hà Tĩnh tham gia đầy đủ các phiên họp, hoạt động của các cơ quan Quốc hội và của Đoàn tổ chức. Tại 41 buổi thảo luận Hội trường, 14 buổi thảo luận Tổ, 04 buổi thảo luận Đoàn, đã có 42 lượt ý kiến của các ĐBQH trong Đoàn phát biểu, đóng góp nhiều ý kiến quan trọng trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng; kết quả thực hiện các nghị quyết của Quốc hội; góp ý các dự án luật và nghị quyết, các nội dung đều được chủ tọa kỳ họp đánh giá cao.

Tại kỳ họp, đồng chí Trưởng đoàn ĐBQH tỉnh được phân công điều hành 08 phiên thảo luận của Tổ 16 gồm ĐBQH các tỉnh Lai Châu, Lâm Đồng, Cà Mau, Hà Tĩnh, đảm bảo khoa học, phát huy trí tuệ của các đại biểu trong Tổ trong tham gia ý kiến vào các nội dung tại các kỳ họp.

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh báo cáo tóm tắt kết quả hoạt động của Đoàn tại kỳ họp như sau:

1. *Về công tác lập pháp và ban hành nghị quyết:* Các đại biểu chủ động, tích cực tham gia phát biểu tại phiên thảo luận tổ và hội trường, gửi văn bản góp ý tất cả các dự án luật và nghị quyết, nhất là: Luật Di sản văn hóa (sửa đổi); Luật Công chứng (sửa đổi); Luật Công đoàn (sửa đổi); Luật Nhà giáo; Luật Việc làm (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Luật Đầu tư công (sửa đổi); Luật Thuế giá trị gia tăng (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo; Nghị quyết về chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển văn hóa, về phòng, chống ma túy... Nội dung tham gia góp ý với lập luận sắc sảo có cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn mang tính xây dựng cao,

chuyên sâu được Quốc hội, cử tri Nhân dân ghi nhận, đánh giá cao và Ban soạn thảo tiếp thu.

2. Xem xét, quyết định các vấn đề quan trọng, giám sát tối cao

Tại phiên thảo luận về kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước; giám sát tối cao: Đại biểu trong Đoàn đã thảo luận thẳng thắn, đánh giá những ưu điểm, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập trong chỉ đạo, điều hành của Chính phủ về kết quả thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính năm 2024, tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước và kế hoạch tài chính năm 2025; báo cáo về kết quả giám sát chuyên đề việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý thị trường bất động sản và phát triển nhà ở xã hội từ năm 2015 đến hết năm 2023.

Từ đó, đại biểu trong Đoàn đề xuất giải pháp sản xuất xanh, tiêu dùng xanh, bảo vệ môi trường; đấu tranh, phản bác và bảo vệ hàng hóa, thương hiệu Việt.

Các đại biểu Quốc hội tham gia thảo luận về công tác nhân sự nghiêm túc, khách quan, đúng trình tự, thủ tục, đảm bảo quy định.

3. Về xem xét các báo cáo

Tại phiên thảo luận ĐBQH Đoàn Hà Tĩnh đã đánh giá những kết quả đạt được, chỉ ra những khó khăn, thách thức về công tác của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; công tác phòng, chống tội phạm, thi hành án, phòng, chống tham nhũng. Qua đó, đề nghị tăng biên chế thẩm phán, đầu tư cơ sở vật chất và nâng cấp trụ sở làm việc, đồng thời khuyến khích hòa giải, đối thoại.

4. Về hoạt động bên lề kỳ họp: Đoàn tổ chức các cuộc hội nghị tham vấn chính sách, pháp luật có liên quan đến kỳ họp; tham gia làm việc với một số bộ, ngành, đơn vị, địa phương và một số hoạt động của Trung ương, địa phương tổ chức. Đồng chí Trưởng đoàn và lãnh đạo tỉnh làm việc, báo cáo đề xuất Bộ Chính trị, Chính phủ và các bộ, ngành về Dự án khai thác và tuyển quặng sắt mỏ Thạch Khê, xử lý, tháo gỡ một số vướng mắc, tồn đọng liên quan đến tỉnh, xúc tiến đầu tư, tranh thủ các nguồn lực phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội của tỉnh./.

Nơi nhận:

- UBTVQH (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Ngân hàng nhà nước chi nhánh HT;
- Các ĐBQH Đoàn Hà Tĩnh;
- VP Tỉnh ủy;
- Chánh VP; Phó CVP;
- Các phòng thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT; QH₃.

TM. ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
KT. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ TRƯỞNG ĐOÀN

Trần Đình Gia